TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

Số: 375 /QĐ-CĐĐLMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc

Quảng Nam, ngày 27 tháng 4 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

"V/v Công nhận tốt nghiệp"

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

Căn cứ quyết định số 3017/QĐ-BGD&ĐT ngày 19/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v thành lập Trường Cao đẳng Điện lực miền Trung trên cơ sở Trường Trung học Điện 3 trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề hệ chính quy;

Căn cứ quyết định số 04/QĐ-CĐMT-P2 ngày 02/01/2008 của Trường Cao đẳng Điện lực miền Trung về việc cụ thể hóa quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề hệ chính quy;

Căn cứ biên bản cuộc họp Hội đồng xét tốt nghiệp ngày 27/4/2009,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận và cấp Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề cho 132 học sinh khóa K21Đ và 01 học sinh khóa K20Đ thi lại tốt nghiệp (có danh sách kèm theo), cụ thể như sau:

-Loại Giỏi:	04 học sinh
-Loại Khá:	46 học sinh
-Loại Trung bình khá:	75 học sinh
-Loại Trung bình:	08 học sinh

Điều 2: Các ông Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Công tác HSSV, Trưởng phòng Tài chính-kế toán và những học sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2:
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

Nguyễn Xuân Bản

DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP
LỚP K21ĐT1 - Khóa học 2007-2009
Nghề: Quản lý, sữa chữa đường dây và trạm
(Kèm theo QĐ số 395 /QĐ-CĐĐLMT ngày 27/4/2009)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp Loại
1	Lê Tuấn	Anh	19/06/1988	Triệu Phong - Quảng Trị	Trung bình khá
2	Lê Hữu	Giang	12/04/1988	Hoài Nhơn - Bình Định	Khá
3	Lê Thúc	Hải	10/12/1988	Lăk - Đăk Lăk	Khá
4	Lê Công	Hậu	11/08/1989	Bố Trạch - Quảng Bình	Trung bình khá
5	Nguyễn Bá	Hậu	10/08/1987	Núi Thành - Quảng Nam	Khá
6	Đỗ Hồng	Hiện	11/04/1989	Hiệp Đức - Quảng Nam	Trung bình khá
7	Trần Thái	Hoà	10/09/1988	Hội An - Quảng Nam	Trung bình khá
8	Lê Minh	Hùng	15/12/1987	Núi Thành - Quảng Nam	Khá
9	Đặng Xuân	Huy	07/10/1989	Thanh Khê - Đà Nẵng	Trung bình khá
10	Phạm Quốc	Khánh	02/09/1988	Pleiku - Gia Lai	Khá
11	Trần Phước	Linh	09/03/1989	Hoà Vang - Đà Nẵng	Trung bình khá
12	Huỳnh Ngọc Minh	Mẫn	08/12/1988	Đà Nẵng	Trung bình khá
13	Nguyễn Thanh	Ngọc	04/10/1988	Tuyên Hoá - Quảng Bình	Trung bình khá
14	Trần Nguyên	Ngọc	01/08/1988	Hải Lăng - Quảng Trị	Trung bình khá
15	Nguyễn Đức	Phát	14/05/1989	Điện Bàn - Quảng Nam	Trung bình khá
16	Nguyễn Bá	Phong	20/10/1988	Krông Ana- Đăklăk	Trung bình khá
17	Trần Hữu	Phúc	26/02/1988	Đà Nẵng	Trung bình khá
18	Lê Hà Hữu	Phước	30/06/1989	Gia Lai - Kon Tum	Trung bình khá
19	Phạm Minh	Quang	16/12/1988	Easup - Đăk Lăk	Trung bình khá
20	Nguyễn Hoàng	Sa	16/02/1988	Thăng Bình - Quảng Nam	Trung bình khá
21	Trần Hùng	Sơn	28/07/1989	TpHuế - Thừa Thiên Huế	Trung bình khá
22	Mai Tiến	Tâm	30/09/1988	Krông Păk - Đăk Lăk	Trung bình khá
23	Nguyễn Quang	Trí	23/08/1989	Núi Thành - Quảng Nam	Trung bình khá
24	Hoàng Minh	Tú	20/06/1983	Bố Trạch - Quảng Bình	Khá
25	Hà Huy	Tường	18/04/1984	Tuy Hoà - Phú Yên	Trung bình khá
26	Ông ích	Vũ	12/11/1989	Hòa Vang - Đà Nẵng	Khá
27	Hồ Tấn	Xết	02/01/1988	Quế Sơn - Quảng Nam	Khá
28	Nguyễn Xuân	Hiền	01/05/1988	Quảng Trạch - Quảng Bình	Trung bình
29	Nguyễn Văn	Hợp	06/08/1988	Nghĩa Hưng - Nam Định	Trung bình khá
30	Phạm Ngọc	Đăng	10/09/1987	Pleiku - Gia Lai	Trung bình khá

DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP
LỚP K21ĐT2 - Khóa học 2007-2009
Nghề: Quản lý, sửa chữa đường dây và trạm
(Kèm theo QĐ số 305 /QĐ-CDĐLMT ngày 27/4/2009)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
1	Lê Quang	Cường	13/08/1984	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	Khá
2	Nguyễn	Cường	19/02/1984	Quy Nhơn - Bình Định	Giỏi
3	Huỳnh Quang	Đại	19/09/1989	Pleiku - Gia Lai	Trung bình khá
4	Nguyễn Quốc	Dương	14/07/1989	Tuy Hoà - Phú Yên	Trung bình khá
5	Trần Thanh	Hải	11/05/1989	Tuy Hoà - Phú Yên	Trung bình khá
6	Võ Văn	Hoàng	10/10/1983	Đại Lộc - Quảng Nam	Khá
7	Phạm Cao Thanh	Hưng	06/08/1986	Mộ Đức - Quảng Ngãi	Khá
8	Lê Quang	Huy	24/12/1987	Krông Buk - ĐăkLăk	Khá
9	Ngô Bá	Huyền	01/02/1988	Can Lộc - Hà Tĩnh	Khá
10	Nguyễn Thanh	Hy	05/10/1988	Duy Xuyên - Quảng Nam	Khá
11	Trần Viết	Khánh	25/04/1988	Gio Linh - Quảng Trị	Khá
12	Nguyễn Cao	Lâm	27/11/1985	Tx Kon Tum - Kon Tum	Trung bình khá
13	Phan Khánh	Linh	18/03/1987	Can Lộc - Hà Tĩnh	Trung bình khá
14	Nguyễn Duy	Lưu	10/07/1989	Yên Thành - Nghệ An	Trung bình khá
15	Trần Hữu	Phúc	26/05/1989	Quy Nhơn - Bình Định	Trung bình khá
16	Nguyễn Thanh	Sang	26/04/1988	Vĩnh Thạnh - Bình Định	Khá
17	Lê Thanh	Tâm	05/09/1988	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	Trung bình khá
18	Lê Văn	Thái	25/06/1985	Nghĩa Đàn - Nghệ An	Trung bình khá
19	Phan Tuấn	Thành	28/01/1989	Đồng Hới - Quảng Bình	Trung bình khá
20	Nguyễn Minh	Thiện	24/04/1989	Vĩnh Linh - Quảng Trị	Trung bình khá
21	Nguyễn Thế	Thìn	27/07/1988	Đông Hà - Quảng Trị	Trung bình khá
22	Hoàng Văn	Thông	05/08/1988	Bố Trạch - Quảng Bình	Trung bình khá
23	Nguyễn Đức	Thuận	09/11/1988	KBang - Gia Lai	Trung bình khá
24	Phạm Quyết	Tiến	12/08/1989	Hương Sơn - Hà Tĩnh	Trung bình khá
25	Nguyễn Thành	Trung	11/09/1989	Quế Sơn - Quảng Nam	Trung bình khá
26	Ngô Xuân	Trường	25/03/1988	Đại Lộc - Quảng Nam	Trung bình khá
27	Trần Văn	Trường	03/01/1989	Quảng Trạch - Quảng Bình	Trung bình khá
28	Nguyễn Hữu Thanh	Tuấn	25/01/1989	Đại Lộc - Quảng Nam	Khá
29	Võ Văn	Tuấn	12/04/1988	Đại Lộc - Quảng Nam	Khá
30	Huỳnh Ngọc	Tùng	25/01/1989	Hoà vang - Đà nẵng	Trung bình khá
31	Phạm Văn	Tường	21/01/1988	Đại Lộc - Quảng nam	Khá
32	Lê Thanh	Tuyền	18/09/1986	Tân Kỳ - Nghệ An	Trung bình khá
33	Lưu Ngọc	Vinh	10/10/1988	Phù Mỹ - Bình Định	Trung bình khá
34	Võ Văn	Hiền	08/10/1985	Lệ Thủy - Quảng Bình	Trung bình khá
35	Đặng Thái	Linh	21/11/1988	Nghĩa Đàn - Nghệ An	Trung bình khá
36	Nguyễn Bá	Quang	17/08/1986	Can Lộc - Hà Tĩnh	Trung bình khá

HS Nguyễn Thành Trung sinh ngày 12/9/1989 nhưng do khai trong bản lý lịch trích ngang là 11/9/1989

DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP
LỚP K21ĐT3 - Khóa học 2007-2009
Nghề: Quản lý, sửa chữa đường dây và trạm
(Kèm theo QĐ số 30 /QĐ-CĐĐLMT ngày 27/4/2009)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
1	Nguyễn Viết	Cường	16/08/1986	Krông Buk - ĐăkLăk	Trung bình khá
2	Hồ Quang	Danh	27/12/1989	Krông Pắc - ĐăkLăk	Trung bình khá
3	Võ Văn	Đức	02/04/1988	Krông Pắc - ĐăkLăk	Trung bình khá
4	Hồ Trường	Giang	17/07/1988	Duy Xuyên - Quảng Nam	Trung bình khá
5	Lê Văn	Hạnh	25/10/1985	Bình Sơn - Quảng Ngãi	Khá
6	Ngô Phi	Hùng	18/06/1988	Krông Ana - ĐăkLăk	Trung bình khá
7	Trần Anh	Huy	13/05/1989	Sơn Hà - Quảng Ngãi	Khá
8	Trần Sơn	Nam	16/11/1989	Buôn Ma Thuột - Đăklăk	Trung bình khá
9	Phan Công	Phước	20/10/1986	Duy Xuyên - Quảng Nam	Trung bình khá
10	Nguyễn Thành	Tâm	12/11/1985	Hương Khê - Hà Tĩnh	Khá
11	Nguyễn Đức	Thảo	22/04/1986	Nam Giang - Quảng Nam	Khá
12	Nguyễn Đình	Trực	16/04/1982	Kỳ Anh - Hà Tĩnh	Khá
13	Lê Tuấn Nguyễn	Tuấn	20/04/1989	Mộ Đức - Quãng Ngãi	Trung bình khá
14	Nguyễn Khắc	Việt	01/12/1989	Krông Bông - ĐăkLăk	Khá
15	Trần Đình	Việt	22/08/1985	Kỳ Anh - Hà Tĩnh	Khá
16	Lê Văn	Vương	18/03/1985	CưKuin - Đăklăk	Trung bình khá

DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP

Lớp K20ĐT2- Khóa học 2006-2008 (thi lại tốt nghiệp)

Nghề: Quản lý, sửa chữa đường dây và trạm

(Kèm theo QĐ số 375 /QĐ-CĐĐLMT ngày 27/4/2009)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
1	Phạm Duy	Vinh	04/6/1987	Quế Sơn - Quảng Nam	Trung bình khá

DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP
LỚP K21ĐD - Khóa học 2007-2009
Nghề: Điện Công nghiệp và Dân dụng

(Kèm theo QĐ số 95 /QĐ-CĐĐLMT ngày 27/4/2009)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
1	Lê Văn Đức	01/01/1985	Hoằng Hóa - Thanh Hoá	Khá
2	Nguyễn Đình Hải	01/03/1987	Điện Bàn - Quảng Nam	Khá
3	Hà Phước Khánh	05/10/1989	Điện Bàn - Quảng Nam	Khá
4	Lê Tấn Kiên	08/05/1985	Đại Lộc - Quảng Nam	Khá
5	Trần Văn Lộc	10/11/1988	Đại Lộc - Quảng Nam	Trung bình khá
6	Phạm Minh	27/03/1988	Hội An - Quảng Nam	Khá
7	Lê Quốc Nam	01/01/1988	Thăng Bình - Quảng Nam	Trung bình
8	Nguyễn Thành Nam	10/03/1989	Điện Bàn- Quảng Nam	Khá
9	Lương Ngọc Minh Quang	21/09/1986	Đại Lộc - Quảng Nam	Trung bình khá
10	Nguyễn Sương	10/11/1986	Tiên Phước - Quảng Nam	Khá
11	Trần Văn Tâm	10/10/1988	Đại Lộc - Quảng Nam	Khá
12	Thái Ngọc Tân	10/01/1989	Quế Sơn - Quảng Nam	Trung bình khá
13	Mai Văn Thọ	21/04/1984	Điện Bàn - Quảng Nam	Khá
14	Nguyễn Phi Tuấn	22/08/1989	Điện Bàn - Quảng Nam	Trung bình khá
15	Phan Văn Anh Tuấn	09/05/1988	Đại Lộc - Quảng Nam	Trung bình khá
16	Trần Thanh Sơn	29/10/1986	Duy Xuyên - Quảng Nam	Khá
17	Châu Công Thừa	22/12/1987	Thăng Bình - Quảng Nam	Trung bình khá

DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP
LỚP K21ĐV - Khóa học 2007-2009
Nghề: Điện tử - Viễn thông

(Kèm theo QĐ số 375 /QĐ-CĐDLMT ngày 27/4/2009)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
1	Nguyễn Thành	Phúc	31/07/1988	Quy Nhơn - Bình Định	Trung bình khá
2	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	01/01/1989	An Nhơn - Bình Định	Khá
3	Nguyễn Hoàng	Bình	03/02/1987	Phước Sơn - Quảng Nam	Trung bình khá
4	Lê Đình	Đính	12/09/1988	Sơn Trà - Đà Nẵng	Trung bình khá
5	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	20/11/1989	Hải Châu - Đà Nẵng	Trung bình khá
6	Nguyễn Văn	Hiếu	06/08/1988	Đơn Dương - Lâm Đồng	Khá
7	Đặng Văn	Hoàng	07/08/1989	Hội An - Quảng Nam	Trung bình khá
8	Nguyễn Mạnh	Hưng	06/01/1989	Hoà Vang - Đà Nẵng	Trung bình khá
9	Nguyễn Thành	Huy	26/04/1988	Krông Buk - Đăk Lăk	Khá
10	Nguyễn Hà	Khánh	14/10/1982	Nha Trang - Khánh Hoà	Khá
11	Nguyễn Thanh	Lâm	10/03/1988	Đại Lộc - Quảng Nam	Trung bình
12	Lê Thị	Liệu	01/05/1987	Thạch Hà - Hà Tĩnh	Giỏi
13	Trương Thị	Linh	30/12/1989	TP Thanh Hoá - Thanh Hóa	Trung bình
14	Hoàng Minh	Thắng	16/02/1988	Hải Châu - Đà Nẵng	Khá
15	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	22/04/1989	Đà Nẵng	Khá
16	Trần Thị	Ngọc	17/10/1989	Krông Nô - Đăk Nông	Trung bình khá
17	Phan Thị	Nhung	18/09/1988	Thạch Hà - Hà Tĩnh	Khá
18	Lưu Thị Sương	Sương	27/03/1989	Bố Trạch - Quảng Bình	Khá
19	Nguyễn Văn	Tân	06/11/1989	Krông Ana - Đăk Lăk	Giỏi
20	Trần Thị	Thi	13/08/1989	Hoà Vang - Đà Nẵng	Trung bình khá
21	Lê Đình	Trí	12/05/1989	Ayun Pa - Gia Lai	Khá
22	Nguyễn Xuân	Trí	30/09/1989	Lộc Hà - Hà Tĩnh	Khá
23	Đặng Hữu Anh	Tuấn	07/10/1989	Điện Bàn - Quảng Nam	Trung bình khá
24	Bùi Cao	Vũ	25/07/1988	Đại Lộc - Quảng Nam	Trung bình khá
25	Phạm Thị Hà	Vy	16/11/1989	Thanh Khê - Đà Nẵng	Giỏi
26	Trần Hà	Linh	16/04/1988	Liên Chiểu - Đà Nẵng	Trung bình khá
27	Phan Đức	Cường	01/06/1987	Kon Tum - Kon Tum	Trung bình khá
28	Phan Phương	Nga	23/08/1989	Buôn Ma Thuột - Đăklăk	Trung bình
29	Trương Quốc	Thiện	26/08/1989	Đông Hà - Quảng Trị	Trung bình khá
30	Quang Ngọc Bích	Trâm	16/11/1988	Buôn Ma Thuột - Đăklăk	Trung bình
31	Nguyễn Đức	Trung	21/11/1988	Quy Nhơn - Bình Định	Trung bình khá
32	Trần Xuân	Dũng	25/08/1988	Quy Nhơn - Bình Định,	Trung bình
33	Nguyễn Xuân	Khánh	02/09/1988	Thanh Khê - Đà Nẵng	Trung bình